

# Thanh khoản tăng đột biến

## Hoạt động giao dịch trong nước

Trong tuần trước, thanh khoản thị trường tăng mạnh 46% lên mức 274 nghìn tỷ đồng. Thanh khoản tăng vọt là do thị trường có hai phiên điều chỉnh mạnh cuối tuần khi Mỹ áp thuế ở mức cao lên hàng hóa nhập khẩu từ Việt Nam. Tất cả các nhóm nhà đầu tư đều gia tăng quy mô giao dịch, trong đó tổ chức nước ngoài tăng 87%, tổ chức trong nước tăng 49% và cá nhân trong nước tăng 41%.

Nhà đầu tư trong nước duy trì vị thế mua ròng, trong đó cá nhân trong nước mua ròng 8.3 nghìn tỷ đồng và tổ chức trong nước mua ròng 525 tỷ đồng. Ở chiều ngược lại, áp lực bán chủ yếu đến từ nhà đầu tư tổ chức nước ngoài với giá trị bán ròng lên tới 8.7 nghìn tỷ đồng.

## Hoạt động giao dịch tự doanh

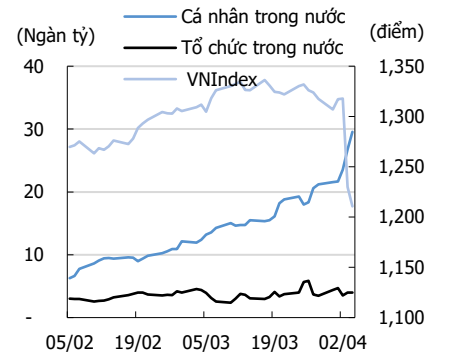
Tự doanh tiếp tục mua ròng tuần thứ 3 liên tiếp với giá trị 2.1 nghìn tỷ đồng, tăng mạnh hơn 4 lần so với tuần trước đó. Nhóm này tập trung mua ròng các mã FUEVFNND (+501 tỷ đồng), E1VFN30 (+366 tỷ đồng), MWG (+208 tỷ đồng), TCB (+175 tỷ đồng), MBB (+172 tỷ đồng), FPT (+138 tỷ đồng), GEX (+135 tỷ đồng), EIB (+105 tỷ đồng). Ở chiều ngược lại, áp lực bán xuất hiện chủ yếu trên KDH (-100 tỷ đồng), ngoài ra không có cổ phiếu nào bị bán mạnh trên 100 tỷ đồng.

## Hoạt động giao dịch khối ngoại

Khối ngoại tiếp tục bán ròng tuần thứ 9 liên tiếp với giá trị 8.8 nghìn tỷ đồng. Áp lực bán ròng đã gia tăng đáng kể trong tuần qua khi thị trường giảm mạnh. Tính từ đầu năm đến nay, khối ngoại đã bán ròng 13 trên 14 tuần, với tổng giá trị đạt khoảng 33.5 nghìn tỷ đồng.

Khối ngoại bán ròng 19 cổ phiếu với giá trị trên 100 tỷ đồng, tập trung mạnh nhất vào các mã FPT (-1.15 nghìn tỷ đồng), MBB (-1.14 nghìn tỷ đồng), SSI (-828 tỷ đồng), TPB (-749 tỷ đồng), VCB (-702 tỷ đồng), ACB (-597 tỷ đồng), VNM (-577 tỷ đồng). Ngoài ra còn có 12 cổ phiếu bị bán ròng từ 100 đến 500 tỷ đồng gồm STB, TCB, MWG, FRT, HPG, MSN, VPB, SAB, HCM, HDB, PNJ và FUEVFNND. Ở chiều ngược lại, khối này mua ròng 3 mã với giá trị trên 100 tỷ đồng, nổi bật gồm GEX (+503 tỷ đồng), VRE (+257 tỷ đồng) và VIX (+163 tỷ đồng).

**Hình 1. Giá trị tích lũy ròng**



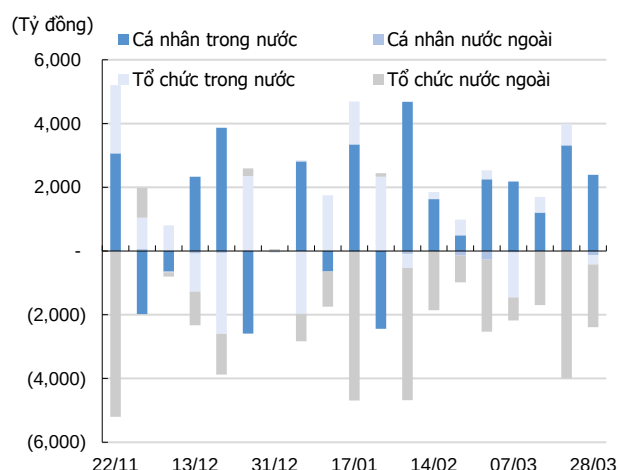
Nguồn: Fiinpro, KIS Research  
Lưu ý: Giá trị tích lũy tính từ tháng 1/23

**Bảng 1: Hoạt động giao dịch theo nhóm nhà đầu tư**

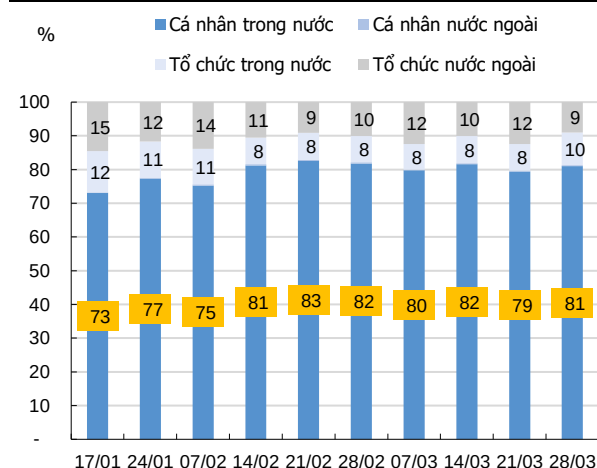
| Nhóm nhà đầu tư    | Giá trị mua (nghìn tỷ đồng) |       |       |         | Giá trị bán (nghìn tỷ đồng) |       |       |         | Giá trị ròng (nghìn tỷ đồng) |        |        |        |
|--------------------|-----------------------------|-------|-------|---------|-----------------------------|-------|-------|---------|------------------------------|--------|--------|--------|
|                    | 1W                          | 1M    | 3M    | YTD     | 1W                          | 1M    | 3M    | YTD     | 1W                           | 1M     | 3M     | YTD    |
| Cá nhân nước ngoài | 13.8                        | 41.9  | 97.0  | 200.2   | 13.3                        | 41.1  | 91.1  | 184.6   | 0.5                          | 0.8    | 5.9    | 15.6   |
| Cá nhân trong nước | 111.5                       | 380.3 | 840.2 | 1,569.2 | 103.2                       | 364.3 | 813.5 | 1,526.5 | 8.4                          | 16.0   | 26.8   | 42.7   |
| Tổ chức nước ngoài | 11.6                        | 42.2  | 100.8 | 191.2   | 20.3                        | 58.7  | 132.7 | 248.7   | (8.8)                        | (16.5) | (31.9) | (57.5) |
| Tổ chức trong nước | 0.4                         | 1.1   | 2.6   | 5.0     | 0.5                         | 1.4   | 3.4   | 5.8     | (0.1)                        | (0.3)  | (0.8)  | (0.8)  |
| Tự doanh           | 7.4                         | 19.7  | 43.0  | 86.7    | 5.2                         | 16.2  | 37.9  | 80.4    | 2.2                          | 3.4    | 5.1    | 6.4    |

Nguồn: FiinproX, KIS Research

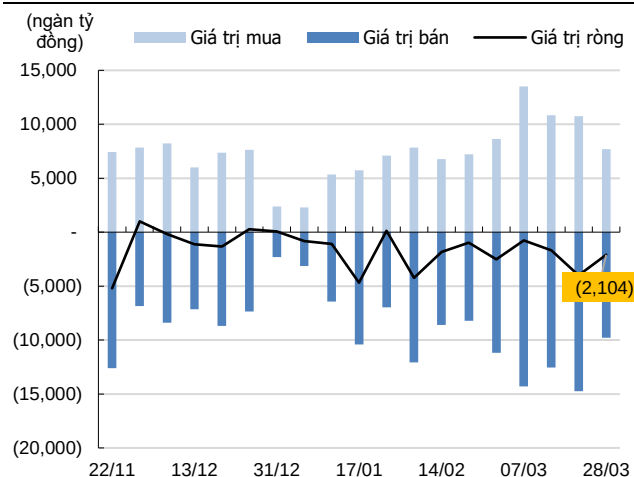
**Research Dept**  
Researchdept@kisvn.vn

**Hình 2. Diễn biến giao dịch theo nhóm nhà đầu tư**

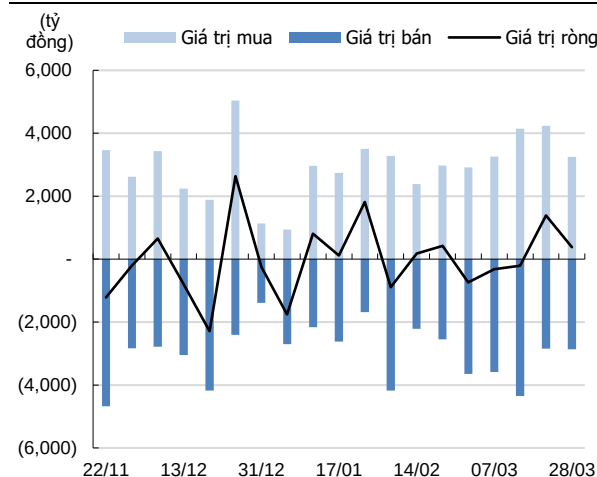
Nguồn: FiinPro, KIS Research

**Hình 3. Tỷ trọng giá trị giao dịch theo nhóm nhà đầu tư**

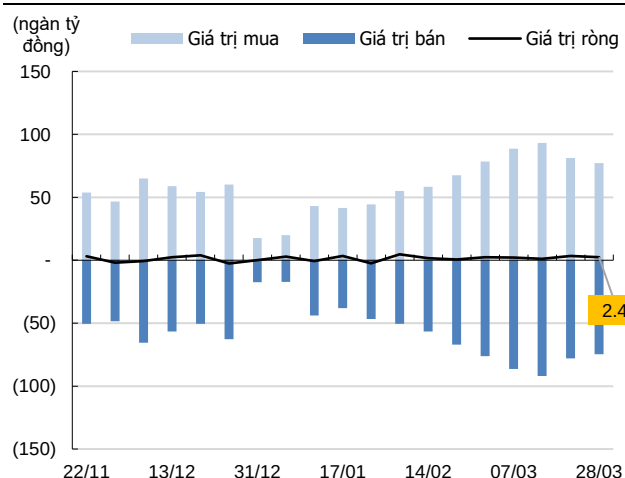
Nguồn: FiinPro, KIS Research

**Hình 4. Giao dịch từ nhà đầu tư nước ngoài**

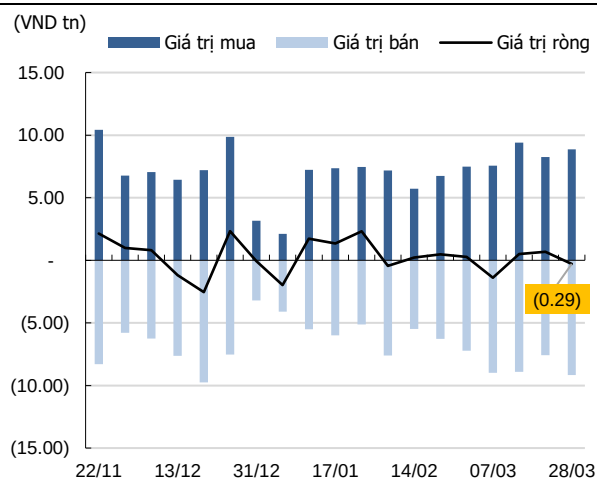
Nguồn: FiinPro, KIS Research

**Hình 5. Giao dịch tự doanh**

Nguồn: FiinPro, KIS Research

**Hình 6. Giao dịch từ nhà đầu tư cá nhân trong nước**

Nguồn: FiinPro, KIS Research

**Hình 7. Giao dịch từ nhà đầu tư tổ chức trong nước**

Nguồn: FiinPro, KIS Research

**Bảng 2. CP mua ròng của cá nhân trong nước** (đồng, %tuần, tỷ đồng)

| Mã  | Ngành               | %      | Mua     | Bán       | Ròng    |
|-----|---------------------|--------|---------|-----------|---------|
| ACB | Ngân hàng           | (8.3)  | 2,650.9 | (1,309.1) | 1,341.8 |
| MBB | Ngân hàng           | (6.1)  | 3,857.9 | (2,942.5) | 915.4   |
| FPT | Công nghệ Thông tin | (8.9)  | 3,778.1 | (2,908.2) | 869.9   |
| SSI | Tài chính           | (9.9)  | 4,211.0 | (3,347.5) | 863.4   |
| VCB | Ngân hàng           | (7.4)  | 1,146.5 | (411.4)   | 735.1   |
| VNM | Hàng Tiêu dùng      | (3.0)  | 1,892.8 | (1,159.9) | 732.8   |
| TPB | Ngân hàng           | (10.2) | 1,613.6 | (906.6)   | 707.1   |
| STB | Ngân hàng           | (2.2)  | 5,430.8 | (4,877.5) | 553.3   |
| PNJ | Hàng Tiêu dùng      | (11.6) | 510.0   | (231.1)   | 278.9   |
| MWG | Dịch vụ Tiêu dùng   | (11.7) | 2,135.7 | (1,882.1) | 253.6   |

Nguồn: FiinproX, KIS Research

**Bảng 3. CP bán ròng của cá nhân trong nước** (đồng, %tuần, tỷ đồng)

| Mã  | Ngành              | %     | Mua     | Bán       | Ròng    |
|-----|--------------------|-------|---------|-----------|---------|
| GEX | Công nghiệp        | 1.1   | 2,189.6 | (2,799.1) | (609.5) |
| VRE | Tài chính          | (3.6) | 1,239.9 | (1,556.3) | (316.4) |
| VHM | Tài chính          | (1.8) | 3,580.1 | (3,823.6) | (243.6) |
| VIX | Tài chính          | (4.4) | 3,078.3 | (3,232.8) | (154.5) |
| SHB | Ngân hàng          | (5.1) | 4,056.2 | (4,204.2) | (148.0) |
| VIC | Tài chính          | 0.5   | 3,498.5 | (3,635.3) | (136.8) |
| NAB | Ngân hàng          | (3.3) | 445.3   | (551.1)   | (105.8) |
| LPB | Ngân hàng          | (1.5) | 415.7   | (511.8)   | (96.1)  |
| HVN | Dịch vụ Tiêu dùng  | (1.4) | 403.8   | (474.1)   | (70.3)  |
| REE | Tiện ích Cộng đồng | (7.2) | 266.2   | (335.1)   | (68.9)  |

Nguồn: FiinproX, KIS Research

**Bảng 4. CP mua ròng của tổ chức trong nước** (đồng, %tuần, tỷ đồng)

| Mã       | Ngành               | %     | Mua     | Bán     | Ròng  |
|----------|---------------------|-------|---------|---------|-------|
| TCB      | Ngân hàng           | (6.7) | 756.8   | (423.6) | 333.2 |
| FPT      | Công nghệ Thông tin | (8.9) | 780.6   | (491.0) | 289.6 |
| MBB      | Ngân hàng           | (6.1) | 777.0   | (550.3) | 226.7 |
| VHM      | Tài chính           | (1.8) | 1,097.3 | (925.0) | 172.3 |
| LPB      | Ngân hàng           | (1.5) | 191.2   | (62.3)  | 128.8 |
| FUEVFNVD | Tài chính           | (9.1) | 157.2   | (31.7)  | 125.6 |
| VIC      | Tài chính           | 0.5   | 770.4   | (648.9) | 121.5 |
| HAH      | Công nghiệp         | (1.5) | 180.9   | (68.1)  | 112.8 |
| GEX      | Công nghiệp         | 1.1   | 760.3   | (654.1) | 106.2 |
| NAB      | Ngân hàng           | (3.3) | 108.9   | (11.8)  | 97.0  |

Nguồn: FiinproX, KIS Research

**Bảng 5. CP bán ròng của tổ chức trong nước** (đồng, %tuần, tỷ đồng)

| Mã  | Ngành              | %      | Mua   | Bán       | Ròng    |
|-----|--------------------|--------|-------|-----------|---------|
| ACB | Ngân hàng          | (8.3)  | 497.2 | (1,242.0) | (744.8) |
| VNM | Hàng Tiêu dùng     | (3.0)  | 267.2 | (422.9)   | (155.7) |
| STB | Ngân hàng          | (2.2)  | 357.0 | (495.7)   | (138.7) |
| PNJ | Hàng Tiêu dùng     | (11.6) | 56.8  | (190.1)   | (133.3) |
| DGC | Nguyên vật liệu    | (17.9) | 100.3 | (228.9)   | (128.7) |
| KDH | Tài chính          | (14.0) | 75.0  | (183.0)   | (108.0) |
| MSB | Ngân hàng          | (7.6)  | 55.3  | (132.7)   | (77.3)  |
| POW | Tiện ích Cộng đồng | (10.9) | 23.3  | (95.9)    | (72.6)  |
| PVD | Dầu khí            | (14.7) | 5.5   | (73.9)    | (68.4)  |
| BAF | Hàng Tiêu dùng     | (8.4)  | 16.1  | (74.0)    | (57.9)  |

Nguồn: FiinproX, KIS Research

**Bảng 6. CP mua ròng của tổ chức nước ngoài** (đồng, %tuần, tỷ đồng)

| Mã  | Ngành             | %     | Mua   | Bán     | Ròng  |
|-----|-------------------|-------|-------|---------|-------|
| GEX | Công nghiệp       | 1.1   | 615.2 | (121.9) | 493.3 |
| VRE | Tài chính         | (3.6) | 422.4 | (173.2) | 249.2 |
| VIX | Tài chính         | (4.4) | 213.8 | (46.3)  | 167.6 |
| VHM | Tài chính         | (1.8) | 779.4 | (692.5) | 86.9  |
| SHB | Ngân hàng         | (5.1) | 297.2 | (224.2) | 73.0  |
| HVN | Dịch vụ Tiêu dùng | (1.4) | 80.8  | (12.6)  | 68.2  |
| VIC | Tài chính         | 0.5   | 506.0 | (457.7) | 48.3  |
| VCG | Công nghiệp       | (2.4) | 76.0  | (52.6)  | 23.4  |
| APG | Tài chính         | (7.0) | 21.5  | (0.9)   | 20.6  |
| BAF | Hàng Tiêu dùng    | (8.4) | 73.5  | (53.5)  | 20.0  |

Nguồn: FiinproX, KIS Research

**Bảng 7. CP bán ròng của tổ chức nước ngoài** (đồng, %tuần, tỷ đồng)

| Mã  | Ngành               | %      | Mua     | Bán       | Ròng      |
|-----|---------------------|--------|---------|-----------|-----------|
| FPT | Công nghệ Thông tin | (8.9)  | 1,252.2 | (2,438.7) | (1,186.4) |
| MBB | Ngân hàng           | (6.1)  | 124.4   | (1,259.7) | (1,135.3) |
| SSI | Tài chính           | (9.9)  | 135.8   | (966.5)   | (830.6)   |
| TPB | Ngân hàng           | (10.2) | 49.0    | (789.0)   | (740.0)   |
| VCB | Ngân hàng           | (7.4)  | 315.4   | (1,016.3) | (701.0)   |
| ACB | Ngân hàng           | (8.3)  | 252.8   | (849.8)   | (597.0)   |
| VNM | Hàng Tiêu dùng      | (3.0)  | 192.5   | (770.8)   | (578.3)   |
| STB | Ngân hàng           | (2.2)  | 236.3   | (640.0)   | (403.7)   |
| TCB | Ngân hàng           | (6.7)  | 609.8   | (988.1)   | (378.4)   |
| MWG | Dịch vụ Tiêu dùng   | (11.7) | 959.7   | (1,247.2) | (287.5)   |

Nguồn: FiinproX, KIS Research

**Bảng 8. CP mua ròng của cá nhân nước ngoài** (đồng, %tuần, tỷ đồng)

| Mã       | Ngành               | %      | Mua  | Bán    | Ròng |
|----------|---------------------|--------|------|--------|------|
| FPT      | Công nghệ Thông tin | (8.9)  | 44.4 | (17.5) | 26.9 |
| GEX      | Công nghiệp         | 1.1    | 11.5 | (1.4)  | 10.1 |
| MSN      | Hàng Tiêu dùng      | (15.3) | 13.9 | (4.6)  | 9.2  |
| VRE      | Tài chính           | (3.6)  | 22.3 | (13.8) | 8.4  |
| APG      | Tài chính           | (7.0)  | 6.3  | (0.0)  | 6.3  |
| HDG      | Tài chính           | (13.9) | 8.4  | (2.2)  | 6.2  |
| FUEABVND | #N/A                | (6.0)  | 6.0  | 0.0    | 6.0  |
| DGC      | Nguyên vật liệu     | (17.9) | 6.6  | (1.2)  | 5.4  |
| SAB      | Hàng Tiêu dùng      | (12.1) | 7.8  | (2.7)  | 5.1  |
| HCM      | Tài chính           | (11.5) | 5.0  | (1.5)  | 3.6  |

Nguồn: FiinproX, KIS Research

**Bảng 9. CP bán ròng của cá nhân nước ngoài** (đồng, %tuần, tỷ đồng)

| Mã  | Ngành           | %      | Mua  | Bán    | Ròng   |
|-----|-----------------|--------|------|--------|--------|
| VIC | Tài chính       | 0.5    | 17.7 | (50.8) | (33.0) |
| VND | Tài chính       | (7.0)  | 1.8  | (20.6) | (18.8) |
| HSG | Nguyên vật liệu | (9.8)  | 0.7  | (17.0) | (16.3) |
| VHM | Tài chính       | (1.8)  | 22.3 | (38.0) | (15.6) |
| VPB | Ngân hàng       | (9.4)  | 4.5  | (17.7) | (13.1) |
| STB | Ngân hàng       | (2.2)  | 2.3  | (13.2) | (10.9) |
| DBC | Hàng Tiêu dùng  | (14.9) | 2.7  | (13.3) | (10.6) |
| KBC | Tài chính       | (14.5) | 6.9  | (16.9) | (10.0) |
| HPG | Nguyên vật liệu | (9.4)  | 9.2  | (18.9) | (9.7)  |
| TPB | Ngân hàng       | (10.2) | 1.7  | (11.0) | (9.3)  |

Nguồn: FiinproX, KIS Research

**Bảng 10. Top 10 CP mua ròng của khối ngoại** (đồng, %tuần, tỷ đồng)

| Mã  | Ngành             | %     | Mua   | Bán     | Ròng  |
|-----|-------------------|-------|-------|---------|-------|
| GEX | Công nghiệp       | 1.1   | 626.7 | (123.3) | 503.4 |
| VRE | Tài chính         | (3.6) | 444.7 | (187.0) | 257.6 |
| VIX | Tài chính         | (4.4) | 219.1 | (55.8)  | 163.2 |
| VHM | Tài chính         | (1.8) | 801.7 | (730.4) | 71.3  |
| SHB | Ngân hàng         | (5.1) | 299.6 | (231.0) | 68.6  |
| HVN | Dịch vụ Tiêu dùng | (1.4) | 83.8  | (16.0)  | 67.8  |
| APG | Tài chính         | (7.0) | 27.8  | (0.9)   | 26.9  |
| VCG | Công nghiệp       | (2.4) | 76.6  | (56.2)  | 20.4  |
| BAF | Hàng Tiêu dùng    | (8.4) | 73.5  | (55.4)  | 18.1  |
| BMP | Công nghiệp       | (7.1) | 35.2  | (19.0)  | 16.2  |

Nguồn: FiinproX, KIS Research

**Bảng 11. Top 10 CP bán ròng của khối ngoại** (đồng, %tuần, tỷ đồng)

| Mã  | Ngành               | %      | Mua     | Bán       | Ròng      |
|-----|---------------------|--------|---------|-----------|-----------|
| FPT | Công nghệ Thông tin | (8.9)  | 1,296.7 | (2,456.1) | (1,159.5) |
| MBB | Ngân hàng           | (6.1)  | 124.4   | (1,266.5) | (1,142.1) |
| SSI | Tài chính           | (9.9)  | 169.3   | (997.5)   | (828.2)   |
| TPB | Ngân hàng           | (10.2) | 50.7    | (800.0)   | (749.3)   |
| VCB | Ngân hàng           | (7.4)  | 320.0   | (1,022.4) | (702.4)   |
| ACB | Ngân hàng           | (8.3)  | 252.8   | (849.8)   | (597.0)   |
| VNM | Hàng Tiêu dùng      | (3.0)  | 204.3   | (781.4)   | (577.1)   |
| STB | Ngân hàng           | (2.2)  | 238.6   | (653.1)   | (414.6)   |
| TCB | Ngân hàng           | (6.7)  | 609.8   | (988.4)   | (378.6)   |
| MWG | Dịch vụ Tiêu dùng   | (11.7) | 965.4   | (1,251.0) | (285.5)   |

Nguồn: FiinproX, KIS Research

**Bảng 12. Top CP mua ròng của tự doanh** (đồng, %tuần, tỷ đồng)

| Mã       | Sàn                 | %      | Mua   | Bán     | Ròng  |
|----------|---------------------|--------|-------|---------|-------|
| FUEFVNVD | Tài chính           | (9.1)  | 551.3 | (49.9)  | 501.4 |
| E1VFN30  | Tài chính           | (7.5)  | 410.5 | (44.4)  | 366.1 |
| MWG      | Dịch vụ Tiêu dùng   | (11.7) | 542.0 | (333.1) | 208.9 |
| TCB      | Ngân hàng           | (6.7)  | 402.9 | (227.1) | 175.8 |
| MBB      | Ngân hàng           | (6.1)  | 449.4 | (277.2) | 172.2 |
| FPT      | Công nghệ Thông tin | (8.9)  | 432.8 | (293.9) | 138.9 |
| GEX      | Công nghiệp         | 1.1    | 672.9 | (537.6) | 135.3 |
| EIB      | Ngân hàng           | (7.7)  | 109.0 | (3.4)   | 105.6 |
| SHB      | Ngân hàng           | (5.1)  | 128.2 | (35.1)  | 93.1  |
| PLX      | Dầu khí             | (10.3) | 79.3  | (1.6)   | 77.7  |

Nguồn: FiinproX, KIS Research

**Bảng 13. Top CP bán ròng của tự doanh** (đồng, %tuần, tỷ đồng)

| Mã  | Ngành           | %      | Mua   | Bán     | Ròng    |
|-----|-----------------|--------|-------|---------|---------|
| KDH | Tài chính       | (14.0) | 23.7  | (124.2) | (100.5) |
| VNM | Hàng Tiêu dùng  | (3.0)  | 185.4 | (267.5) | (82.1)  |
| CTG | Ngân hàng       | (6.4)  | 96.9  | (155.8) | (58.9)  |
| SSI | Tài chính       | (9.9)  | 122.3 | (162.3) | (40.0)  |
| PNJ | Hàng Tiêu dùng  | (11.6) | 34.1  | (71.6)  | (37.5)  |
| CTR | Công nghiệp     | (16.5) | 22.1  | (57.8)  | (35.7)  |
| STB | Ngân hàng       | (2.2)  | 224.4 | (255.8) | (31.4)  |
| HAH | Công nghiệp     | (1.5)  | 5.1   | (34.1)  | (28.9)  |
| HPG | Nguyên vật liệu | (9.4)  | 384.3 | (408.3) | (24.0)  |
| BMP | Công nghiệp     | (7.1)  | 2.0   | (20.4)  | (18.3)  |

Nguồn: FiinproX, KIS Research

## Global Disclaimer

### ■ General

This research report and marketing materials for Vietnamese securities are originally prepared and issued by the Research Center of KIS Vietnam Securities Corp., an organization licensed with the State Securities Commission of Vietnam. The analyst(s) who participated in preparing and issuing this research report and marketing materials is/are licensed and regulated by the State Securities Commission of Vietnam in Vietnam only. This report and marketing materials are copyrighted and may not be copied, redistributed, forwarded or altered in any way without the consent of KIS Vietnam Securities Corp..

This research report and marketing materials are for information purposes only. They are not and should not be construed as an offer or solicitation of an offer to purchase or sell any securities or other financial instruments or to participate in any trading strategy. This research report and marketing materials do not provide individually tailored investment advice. This research report and marketing materials do not consider individual investor circumstances, objectives or needs, and are not intended as recommendations of particular securities, financial instruments or strategies to any particular investor. The securities and other financial instruments discussed in this research report and marketing materials may not be suitable for all investors. The recipient of this research report and marketing materials must make their own independent decisions regarding any securities or financial instruments mentioned herein and investors should seek the advice of a financial adviser. KIS Vietnam Securities Corp. does not undertake that investors will obtain any profits, nor will it share with investors any investment profits. KIS Vietnam Securities Corp., its affiliates, or their affiliates and directors, officers, employees or agents of each of them disclaim any and all responsibility or liability whatsoever for any loss (director consequential) or damage arising out of the use of all or any part of this report or its contents or otherwise arising in connection therewith. Information and opinions contained herein are subject to change without notice and may differ or be contrary to opinions expressed by other business areas or KIS Vietnam Securities Corp. The final investment decision is based on the client's judgment, and this research report and marketing materials cannot be used as evidence in any legal dispute related to investment decisions.

### ■ Country-specific disclaimer

**United States:** This report is distributed in the U.S. by Korea Investment & Securities America, Inc., a member of FINRA/SIPC, and is only intended for major U.S. institutional investors as defined in Rule 15a-6(a)(2) under the U.S. Securities Exchange Act of 1934. All U.S. persons that receive this document by their acceptance thereof represent and warrant that they are a major U.S. institutional investor and have not received this report under any express or implied understanding that they will direct commission income to Korea Investment & Securities, Co., Ltd. or its affiliates. Pursuant to Rule 15a-6(a)(3), any U.S. recipient of this document wishing to affect a transaction in any securities discussed herein should contact and place orders with Korea Investment & Securities America, Inc., which accepts responsibility for the contents of this report in the U.S. The securities described in this report may not have been registered under the U.S. Securities Act of 1933, as amended, and, in such case, may not be offered or sold in the U.S. or to U.S. person absent registration or an applicable exemption from the registration requirement.

**United Kingdom:** This report is not an invitation nor is it intended to be an inducement to engage in investment activity for the purpose of section 21 of the Financial Services and Markets Act 2000 of the United Kingdom ("FSMA"). To the extent that this report does constitute such an invitation or inducement, it is directed only at (i) persons who are investment professionals within the meaning of Article 19(5) of the Financial Services and Markets Act 2000 (Financial Promotion) Order 2005 (as amended) of the United Kingdom (the "Financial Promotion Order"); (ii) persons who fall within Articles 49(2)(a) to (d) ("high net worth companies, unincorporated associations etc.") of the Financial Promotion Order; and (iii) any other persons to whom this report can, for the purposes of section 21 of FSMA, otherwise lawfully be made (all such persons together being referred to as "relevant persons"). Any investment or investment activity to which this report relates is available only to relevant persons and will be engaged in only with relevant persons. Persons who are not relevant persons must not act or rely on this report.

**Hong Kong:** This research report and marketing materials may be distributed in Hong Kong to institutional clients by Korea Investment & Securities Asia Limited (KISA), a Hong Kong representative subsidiary of Korea Investment & Securities Co., Ltd., and may not otherwise be distributed to any other party. KISA provides equity sales service to institutional clients in Hong Kong for Korean securities under its sole discretion, and is thus solely responsible for provision of the aforementioned equity selling activities in Hong Kong. All requests by and correspondence with Hong Kong investors involving securities discussed in this report and marketing materials must be affected through KISA, which is registered with The Securities & Futures Commission (SFC) of Hong Kong. Korea Investment & Securities Co., Ltd. is not a registered financial institution under Hong Kong's SFC.

**Singapore:** This report is provided pursuant to the financial advisory licensing exemption under Regulation 27(1)(e) of the Financial Advisers Regulation of Singapore and accordingly may only be provided to persons in Singapore who are "institutional investors" as defined in Section 4A of the Securities and Futures Act, Chapter 289 of Singapore. This report is intended only for the person to whom Korea Investment & Securities Co., Ltd. has provided this report and such person may not send, forward or transmit in any way this report or any copy of this report to any other person. Please contact Korea Investment & Securities Singapore Pte Ltd in respect of any matters arising from, or in connection with, the analysis or report (Contact Number: 65 6501 5600).

Copyright © 2025 KIS Vietnam Securities Corp. All rights reserved. No part of this report may be reproduced or distributed in any manner without permission of KIS Vietnam Securities Corp.